

Số: 538/QĐ-CDGTVTTW V

Đà Nẵng, ngày 17 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khoá tuyển sinh năm 2017, 2018
trình độ Cao đẳng-Đào tạo theo phương thức tích lũy MĐ hoặc tín chỉ

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI TRUNG ƯƠNG V

Căn cứ Quyết định số 579/QĐ-CDGTVTTW V ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Quy định thực hiện Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ ban hành kèm theo Quyết định số 79/QĐ-CDGTVTTW V ngày 29 tháng 01 năm 2018 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V;

Căn cứ Biên bản họp ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng xét tốt nghiệp Trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V, xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng- Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ;

Theo đề nghị của Trường phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 23 sinh viên khóa tuyển sinh năm 2017, 2018 trình độ Cao đẳng - Đào tạo theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ. Trong đó:

1. Ngành, nghề Dịch vụ pháp lý- 01 sinh viên

CD17DP1: 01 sinh viên

2. Ngành, nghề Xây dựng cầu đường bộ- 01 sinh viên

CD17XB2: 01 sinh viên

3. Ngành, nghề Điện công nghiệp- 03 sinh viên

CD17ĐC1: 02 sinh viên (01 Khá)

CD18ĐC1: 01 sinh viên

4. Ngành, nghề Công nghệ kỹ thuật cơ khí-01 sinh viên

CD18CK1: 01 sinh viên

5. Ngành, nghề Công nghệ ô tô - 17 sinh viên (09 Khá)

CD17CÔ1: 04 sinh viên

CD17CÔ2: 01 sinh viên

CD17CÔ3: 01 sinh viên

CD17CÔ4: 01 sinh viên

CD18CÔ1: 01 sinh viên

CD18CÔ2: 01 sinh viên

CD18CÔ3: 01 sinh viên

CD18CÔ6: 03 sinh viên

CĐ18CÔ7: 02 sinh viên

CĐ18CÔ9: 01 sinh viên

CĐ18CÔ11: 01 sinh viên

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng Cao đẳng theo quy định của Bộ Lao động -Thương binh & Xã hội.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng công tác HSSV, Trưởng các đơn vị có liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ LĐTB&XH (để báo cáo);
- Bộ GTVT (để báo cáo);
- Hiệu trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



ThS. Đoàn Việt Hùng

DANH SÁCH SINH VIÊN KHÓA 2017, 2018 TỐT NGHIỆP THÁNG 4/2022

(Kèm theo Quyết định số: 538/QĐ-CDGTVTW V ngày 27 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng trường Cao đẳng Giao thông vận tải Trung ương V)

I. NGÀNH, NGHỀ DỊCH VỤ PHÁP LÝ - LỚP CĐ17DP1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176380201110	Đinh Văn Thâm	25/5/1999	Nam	Quảng Ngãi	77	Khá	99	99	0	2.49	Trung bình	-

II. NGÀNH, NGHỀ XÂY DỰNG CẦU ĐƯỜNG BỘ - LỚP CĐ17XB2 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176580205205	Nguyễn Ngọc Duy	27/11/1999	Nam	Gia Lai	78	Khá	98	98	0	2.43	Trung bình	

III. NGÀNH, NGHỀ ĐIỆN CÔNG NGHIỆP (03 SINH VIÊN)

1. LỚP CĐ17ĐC1 (02 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176520227104	Hoàng Nguyễn Khánh Duy	15/01/1999	Nam	Đắk Lắk	73	Khá	99	99	0	2.29	Trung bình	
2	176520227137	Lý Võ Trung Tuấn	26/9/1999	Nam	Gia Lai	64	TB Khá	99	99	0	2.78	Khá	

2. LỚP CĐ18ĐC1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186520227107	Nguyễn Nhật Khánh	12/01/2000	Nam	Quảng Trị	76	Khá	78	78	1	2.33	Trung bình	

IV. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ KỸ THUẬT CƠ KHÍ-LỚP CD18CK1 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510201160	Trần Quốc Thiện	19/5/2000	Nam	Khánh Hòa	73	Khá	78	78	3	2.73	Khá	

V. NGÀNH, NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ (17 SINH VIÊN)

1. LỚP CD17CÔ1 (04 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176510216106	Trần Mạnh Cường	20/6/1998	Nam	Đắk Lắk	75	Khá	102	102	0	2.47	Trung bình	
2	176510216109	Đình Minh Duẩn	13/8/1998	Nam	Quảng Bình	75	Khá	102	102	0	2.58	Khá	
3	176510216155	Dương Lam Trường	15/5/1999	Nam	Quảng Ngãi	75	Khá	102	102	0	2.58	Khá	
4	176510216159	Dương Văn Luật	16/02/1999	Nam	Gia Lai	73	Khá	102	102	0	2.80	Khá	

2. LỚP CD17CÔ2 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176510216239	Diệp Anh Tú	12/6/1999	Nam	Gia Lai	66	TB Khá	102	102	0	2.27	Trung bình	

3. LỚP CD17CÔ3 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176510216339	Dương Văn Quân	10/02/1998	Nam	Quảng Ngãi	71	Khá	102	102	0	2.27	Trung bình	

4. LỚP CD17CÔ4 (01 SINH VIÊN)

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	176510216450	Trần Ngọc Quý	29/4/1999	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	102	102	0	2.70	Khá	

5. LỚP CD18CÔ1 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216109	Lê Văn Cường	30/8/2000	Nam	Gia Lai	75	Khá	79	79	3	2.11	Trung bình	

6. LỚP CD18CÔ2 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216233	Hoàng Thế Sang	10/12/1999	Nam	Quảng Nam	77	Khá	79	79	3	2.41	Trung bình	

7. LỚP CD18CÔ3 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
8	186510216306	Bùi Văn Cẩm	05/4/2000	Nam	Quảng Ngãi	72	Khá	79	79	2	2.55	Khá	

8. LỚP CD18CÔ6 - 03 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216607	Phạm Thành Đạt	30/11/2000	Nam	Đắk Lắk	79	Khá	79	79	4	2.62	Khá	
2	186510216619	Cao Văn Hiệu	23/7/2000	Nam	Quảng Ngãi	79	Khá	79	79	3	2.22	Trung bình	
3	186510216661	Lê Gia Bảo	04/12/2000	Nam	Gia Lai	79	Khá	79	79	2	2.49	Trung bình	

9. LỚP CD18CÔ7 - 02 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						DRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216719	Võ Thanh Thao	06/9/2000	Nam	Gia Lai	77	Khá	79	79	1	2.47	Trung bình	
2	186510216729	Nguyễn Đình Văn	01/02/1999	Nam	Quảng Nam	82	Tốt	79	79	0	2.82	Khá	



10. LỚP CD18CÔ9 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
1	186510216152	Huỳnh Đăng Trường	10/12/2000	Nam	Quảng Ngãi	78	Khá	79	79	0	2.72	Khá	

11. LỚP CD18CÔ11 - 01 SINH VIÊN

STT	Mã sinh viên	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Nơi sinh	Điểm rèn luyện		Số tín chỉ		Điểm học tập		XLTN	Ghi chú
						ĐRL	Xếp loại	Đăng ký	Tích lũy	Số MH/MD Thi lại, học lại	TBC TL		
10	186510216642	Nguyễn Quang Tài	14/01/2000	Nam	Gia Lai	80	Tốt	79	79	3	2.82	Khá	

NYN